

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG ĐIỀN  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST  
Ngày 15-9-2020  
V/v “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp  
đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long  
Diên, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Diên, tỉnh Bà Rịa – Vũng  
Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Diên,  
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLST-  
DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng mua  
bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-DS ngày  
25 tháng 8 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm: 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số x, tổ y, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1971 và bà Trần Thị N, sinh năm:  
1982 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số x tổ y, ấp P (nay là u tổ p, ấp P), xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa –  
Vũng Tàu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Ngọc L, sinh năm: 1980 và  
bà Nguyễn Thị Duy P, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ x, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ  
liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1979 (văn bản ủy quyền ngày  
03/3/2020, có mặt).

Địa chỉ: Số x đường H, phường y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Ngày 18/12/2018, vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị N vay ông Trần Văn T 300.000.000đ, khi vay hai bên có lập hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Hải theo hợp đồng công chứng số 835 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/12/2018, thời hạn vay 02 năm; mục đích kinh doanh; lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

Để đảm bảo cho khoản vay ông T1, bà N thế chấp cho ông T 04 tàu đánh cá số đăng ký BV-93468-TS, BV-93469-TS, BV-93478-TS và BV-93479-TS. Việc thế chấp không được lập thành văn bản nhưng bà N có ghi vào phía sau Hợp đồng vay tiền số 835 quyền số 01/TP/CC-SCC-HĐGD ngày 18/12/2018 với nội dung:

*“Ghi chú với hợp đồng vay số công chứng số 835 bên B đồng ý thế chấp tàu đánh cá: 1 – Tàu BN-93468-TS; 2 – Tàu BN -93469-TS; 3 – Tàu BN-93478-TS; 4 – Tàu BN-93479-TS”*

Ngày 21/02/2019 bà N tiếp tục vay 500.000.000đ, hai bên có lập hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Hải theo hợp đồng số công chứng số 112 quyền số 01/TP/CC-SCC-HĐGD.

Ngày 12/3/2019 bà N tiếp tục vay 200.000.000đ, có lập hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Hải theo hợp đồng số công chứng số 153 quyền số 01/TP/CC-SCC-HĐGD.

Ngày 19/8/2019 bà N tiếp tục vay 200.000.000đ có lập hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Hải theo hợp đồng số công chứng số 489 quyền số 01/TP/CC-SCC-HĐGD.

Tổng số tiền 04 lần ông T cho bà N vay là 1.200.000.000đ, các lần vay tiền chỉ bà N ký tên, không có ông T1 tham gia. Đến hạn phải trả nợ nhưng ông T1, bà N vẫn không trả, ông T nhiều lần điện thoại và đến nhà yêu cầu trả nợ nhưng không gặp. Mặc dù cả 04 lần vay đều không có mặt ông T1 vì ông T1 là chủ tàu săn bắt cá ngoài biển nên không thể có mặt ở nhà và mọi điều hành ở nhà đều do bà N quyết định, sắp xếp công việc cho 04 con tàu nên ông T mới tin tưởng cho ông T1, bà N vay.

Đến tháng 8/2019, bà N đến gặp ông T mượn lại 04 giấy đăng ký tàu đánh cá trên nói là mượn về để trình Biên phòng cho tàu đi biển và hứa sau khi tàu đi biển rồi thì mang giấy tờ lên trả lại, nhưng bà N không trả.

Do đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông T1, bà N cố tình chây ỳ không trả nên ông T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T1, bà N phải trả tiền lãi và tiền gốc và đã được Tòa án nhân dân huyện Long Điền thụ lý giải quyết theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 171/2019/TB-TLVA ngày

20/9/2019. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết tháng 10/2019 ông T có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với 04 tàu cá đăng ký số BV-93468-TS, BV-93469-TS, BV-93478-TS và BV-93479-TS, nhưng sau khi Tòa án tiến hành xác minh thì phát hiện 04 tàu cá này vợ chồng ông T1, bà N đã tẩu tán tài sản và ký chuyển nhượng cho vợ chồng ông Ông L, bà Nguyễn Thị Duy P. Vì vậy, Tòa án giải thích cho ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc thế chấp 04 tàu cá, khi nào có bản án về hợp đồng vay tiền thì đi kiện về việc thế chấp tàu cá bằng một vụ án riêng. Ngày 16/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã giải quyết bằng bản án số 36/2019/DS-ST, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông T1, bà N có nghĩa vụ trả cho ông T 1.200.000.000đ.

Như vậy, sau khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 171/TB-TLVA ngày 20/9/2019 về việc ông T khởi kiện có liên quan đến các tàu cá nói trên ông T1, bà N đã cố ý tẩu tán tài sản chuyển nhượng 04 tàu cá cho người khác để trốn tránh trách nhiệm thì hành án đã vi phạm vào Điều 123 của Bộ luật dân sự quy định giao dịch dân sự có mục đích nội dung vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội thì giao dịch dân sự vô hiệu và khoản 1 Điều 408 của Bộ luật dân sự thì trường hợp này, ngay từ khi giao dịch hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được thì hợp đồng này vô hiệu.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình ông T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Long Điền căn cứ vào Điều 123, khoản 1 Điều 408 của Bộ luật dân sự và Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 của Bộ Tư pháp – Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì tài sản đã được Tòa án thụ lý và thông báo thì không được giao dịch bất cứ trong trường hợp nào. Yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng mua bán tài sản giữa vợ chồng ông T1, bà N với vợ chồng ông L, bà P đối với 04 tàu đánh cá đăng ký số BV-93468-TS, BV-93469-TS, BV-93478-TS và BV-93479-TS.

*Theo bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị N trình bày:*

Ngày 23/8/2019, vợ chồng ông T1, bà N ký hợp đồng mua bán giấy tay bán cho ông L, Phương 04 tàu cá, cụ thể như sau:

Tàu cá biển số đăng ký BV-93468-TS theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 04/17 do Chi cục thủy sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 03/01/2017.

Tàu cá biển số đăng ký BV-93469-TS theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 03/17 do Chi cục thủy sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 03/01/2017.

Tàu cá biển số đăng ký BV-93478-TS theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 06/17 do Chi cục thủy sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 03/01/2017.

Tàu cá biển số đăng ký BV-93479-TS theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 07/17 do Chi cục thủy sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 03/01/2017.

Giá mua bán toàn bộ tài sản trên là 5.000.000.000đ, ngay sau khi ký hợp đồng mua bán giấy tay ông T1, bà N đã nhận đủ số tiền 5.000.000.000đ và hai bên thỏa thuận trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tay, các bên sẽ ký hợp

đồng mua bán theo quy định của pháp luật. Lý do ngày 23/8/2019, hai bên chỉ ký hợp đồng mua bán bằng giấy tay là do 04 tàu cá nói trên đang thế chấp tại ngân hàng nên không thể ký hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật. Đến ngày 22/10/2019, sau khi giải chấp các khoản vay tại ngân hàng, lấy tài sản thế chấp về và ký hợp đồng mua bán tại văn phòng Công chứng Phước Hưng, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, được Văn phòng công chứng Phước Hưng công chứng số 234, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

Khi bán tài sản cho ông L, bà P thì tài sản đang thế chấp cho ngân hàng nên vợ chồng ông L, bà P phải đi vay để giải chấp sau đó hai bên mới ký hợp đồng mua bán. Ông T1, bà N xác nhận hợp đồng mua bán tài sản số 234, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2019 đã thực hiện xong toàn bộ quyền và nghĩa vụ của các bên, bên bán đã giao tài sản, giao giấy tờ liên quan đến tài sản là bản chính và nhận đủ tiền từ bên mua. Ông T1, bà N cam kết không khiếu nại gì đối với bên mua và các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản ngày 22/10/2019. Hiện nay toàn bộ tài sản trên đã được sang tên ông L, bà P theo quy định của pháp luật. Việc ông T khởi kiện liên quan đến 04 con tàu đối với vợ chồng ông T1, bà N là không có cơ sở nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện.

*Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Vợ chồng ông L, bà P không có yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn, với bị đơn và không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23/8/2019, ông L, bà P ký hợp đồng bằng giấy tay mua 04 tàu cá biển số BV-93468-TS, BV-93469-TS, BV-93478-TS và BV-93479-TS của ông T1, bà N với giá 5.000.000.000đ. Tại thời điểm ký hợp đồng mua bán giấy tay 04 tàu cá này đang được thế chấp tại ngân hàng nên các bên chưa thực hiện việc công chứng theo quy định của pháp luật mà hẹn 02 tháng kể từ ngày 23/8/2019 sẽ thực hiện việc công chứng để hoàn thiện việc mua bán.

Ngày 22/10/2019, ông T1, bà N làm thủ tục trả nợ và xóa thế chấp tại ngân hàng nên hai bên ký hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật. Sau khi mua vợ chồng ông L, bà P tiến hành đóng thuế và đăng bộ sang tên bên mua trên sổ đăng kiểm tàu cá theo quy định của pháp luật vào ngày 23/10/2019. Ông L, bà P đã trực tiếp sử dụng các tàu cá này từ đó cho đến nay không bị ai tranh chấp gì liên quan đến việc sử dụng, quản lý hay có quyết định cấm dịch chuyển của cơ quan có thẩm quyền đối với 04 chiếc tàu cá này.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản số 234 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2019 giữa ông T1, bà N với ông L, bà P về việc mua bán 04 tàu đánh cá số BV-93468-TS, BV-93469-TS, BV-93478-TS và BV-93479-TS, ông L, bà P không đồng ý, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T vì ông T không đủ tư cách khởi kiện và không liên quan đến việc mua bán giữa các bên.

Tại phiên tòa ông T1, bà N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L, bà P vắng mặt có người đại diện tham gia phiên tòa; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng mua bán tài sản số 234, quyền số 01/TP/CC-SCC-HDGD công chứng ngày 22/10/2019 giữa ông T1, bà N với ông L, bà P về việc mua bán 04 tàu cá số đăng ký BV-93468-TS, BV-93469-TS, BV-93478-TS và BV-93479-TS vô hiệu

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng mua tài sản giữa vợ chồng ông T1, bà N với vợ chồng ông L, bà P về việc mua bán 04 tàu cá số đăng ký BV-93468-TS, BV-93469-TS, BV-93478-TS và BV-93479-TS được Văn phòng công chứng Phước Hưng, tỉnh Bà Rịa công chứng số 234 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2019 vô hiệu, được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa ông T1, bà N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L, bà P vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Ngày 18/12/2018, bà N vay của ông T 300.000.000đ, khi vay hai bên có lập hợp đồng theo hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Phạm Văn Hải, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 835, quyển số 01/TP/CC-SCC-HĐGD cùng ngày. Việc vay mượn không thế chấp tài sản nhưng bà N có ghi vào phía sau hợp đồng vay tiền với nội dung: *“Ghi chú với hợp đồng vay số công chứng số 835 bên B đồng ý thế chấp tàu đánh cá: 1 – Tàu BN-93468-TS; 2 – Tàu BN-93469-TS; 3 – Tàu BN-93478-TS; 4 – Tàu BN-93479-TS”*

[3.2] Đến ngày 21/02/2019 bà N vay thêm của ông T 500.000.000đ, ngày 12/3/2019 vay tiếp 200.000.000đ và ngày 19/8/2019 tiếp tục vay 200.000.000đ các lần vay tiền đều lập hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Phạm Văn Hải công chứng. Tổng số tiền bà N vay của ông T 04 lần là 1.200.000.000đ.

[3.3] Đến hạn trả nợ, do bà N vi phạm nghĩa vụ nên ông T khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết theo thông báo về việc thụ lý vụ án số 171/2019/TB-TLVA ngày 20/9/2019, giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 16/12/2019.

[3.4] Như vậy, quan hệ vay mượn giữa ông T với vợ chồng ông T1, bà N đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Ông T thừa nhận khoản vay 300.000.000đ ngày 18/12/2018 là không có tài sản bảo đảm, nhưng bà N có ghi vào phía sau hợp đồng vay tiền là thế chấp 04 con tàu cá nói trên với mục đích là làm tin. Khi phát hiện ông T khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay ông T1, bà N đã bán 04 con tàu cá này với mục đích tẩu tán tài sản trốn tránh nghĩa vụ thi hành án nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng mua bán tài sản nói trên vô hiệu theo quy định tại Điều 123 và Điều 408 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét thấy, giao dịch thế chấp tài sản giữa các bên không tuân thủ quy định của pháp luật về hình thức cũng như nội dung nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia, nhưng không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ông T cho rằng trong quá trình giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, ông T1, bà N cố tình tẩu tán tài sản bằng cách chuyển nhượng 04 con tàu cá cho ông L, bà P để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ thì thấy: Tại hợp đồng mua bán tài sản ngày 23/8/2019 thể hiện ông T1, bà N bán cho ông L, bà P 04 tàu cá mang số đăng ký BV-BV-93468-TS, BV-93469-TS, BV-93468-TS và BV-93479-TS với giá 5.000.0000.000đ. Tại thời điểm ký hợp đồng mua bán bằng giấy tay do tài sản đang thế chấp tại ngân hàng nên hai bên không thể ký hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật mà hẹn trong vòng thời gian 02 tháng sẽ ký hợp đồng theo quy định của pháp luật. Đến ngày 22/10/2019, hai bên ký hợp đồng mua bán và được văn phòng công chứng Phước Hưng công chứng số 234 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Đến ngày 23/10/2019 vợ chồng ông L, bà P được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 319 đối với tàu cá BV-93400-TS, số 320 đối với tàu cá BV-93402-TS, số 321 đối với tàu cá BV-93406-TS và số 322 đối với tàu cá BV-93420-TS. Như vậy, việc mua bán 04 tàu cá nói trên đã được hoàn thành các thủ tục theo

quy định của pháp luật, ngoài ra tại thời điểm thỏa thuận mua bán 04 tàu cá nói trên đang được thế chấp cho ngân hàng nên ông L, bà P phải giao tiền trước để ông T1, bà N làm thủ tục tắt toán khoản nợ vay xóa thế chấp lấy tài sản về mới thực hiện ký kết hợp đồng mua bán tài sản theo quy định của pháp luật.

[7] Sau khi bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 16/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền có hiệu lực pháp luật, ngày 17/01/2020 ông T có đơn yêu cầu thi hành án và cùng ngày Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 453/QĐ-CCTHA về việc thi hành bản án nói trên.

[8] Tại Thông báo bán đấu giá tài sản số 337/TB-CCTHA ngày 12/8/2020 thể hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền đã cưỡng chế quyền sử dụng diện tích đất 91m<sup>2</sup> (đất ở) thuộc thửa đất số 42 tờ bản đồ số 115 xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 1589797 ngày 19/01/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị N và quyền sử dụng diện tích đất 81,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 41 tờ bản đồ số 115 xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 777522667400201 ngày 14/10/2003 đứng tên ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị N để thi hành án với giá khởi điểm là 3.601.000.000đ.

[9] Như vậy, ông T1, bà N vẫn còn tài sản để đảm bảo việc thi hành án, do đó ông T cho rằng ông T1, bà N có tình bán 04 tàu cá nói trên cho ông L, bà P với mục đích tẩu tán trốn trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ để yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản giữa ông T1, bà N với ông L, bà P về việc mua bán tàu cá số đăng ký BV-93468-TS, BV-93469-TS, BV-93478-TS, BV-93479-TS được Văn phòng công chứng Phước Hưng, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 234, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2019 là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được Tòa án chấp nhận nên phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 116, 122, 123, 430 và 431 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị N với ông Ông L, bà Nguyễn Thị Duy P về việc mua bán tàu cá số đăng ký BV-93468-TS, BV-93469-TS, BV-93478-TS, BV-93479-TS được Văn phòng công chứng Phước Hưng, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 234, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2019 vô hiệu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0003741 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- Sơ Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Võ Hoàng Đức**